

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**  
**PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi/To:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission  
- Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh City Stock Exchange (“HOSE”)

- Tên Công ty Quản lý Quỹ: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT (BVF)  
*Name of the fund management company: BAO VIET FUND MANAGEMENT COMPANY LTD (BVF)*
  - Tên quỹ ETF niêm yết/*Name of listed fund:* Quỹ ETF BVFVN DIAMOND/BVFVN DIAMOND ETF.
  - Mã chứng khoán/*Stock code:* FUEBFVND
  - Địa chỉ trụ sở chính/*Address:* Tầng 5, Số 8 Lê Thái Tổ, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
  - Điện thoại: 024 3928 9589 Fax: 024 3928 9590
  - Email: [baovietfund@baoviet.com.vn](mailto:baovietfund@baoviet.com.vn)
  - Website: <https://baovietfund.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:*  
Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023.  
Audited Financial Report for the year ended 31.12.2023.
- Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ vào ngày 29/03/2024 tại đường dẫn “<https://baovietfund.com.vn/san-pham/BVVFVND#fund-documents>”/*This information was published on the company’s/the Fund website on 29/03/2024, as in the link “https://baovietfund.com.vn/san-pham/BVVFVND#fund-documents.”*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố./ *We hereby certify that the information provided is the true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

**TM. QUỸ ETF BVFVN DIAMOND**  
**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ BẢO VIỆT**  
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

**Tài liệu đính kèm/**

**Attachment:**

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023/*Audited Financial Report for the year ended 31.12 2023.*



**Nguyễn Tiến Hải**

## **Quỹ ETF BVFVN DIAMOND**

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập)  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2023





## Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập)  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2023



# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 17
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	18
Báo cáo kiểm toán độc lập	19 - 20
Báo cáo thu nhập	21
Báo cáo tình hình tài chính	22 - 23
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	24
Báo cáo danh mục đầu tư	25
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	26
Thuyết minh báo cáo tài chính	27 - 50

# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ ETF BVFVN DIAMOND (“Quỹ”) được thành lập ngày 29 tháng 6 năm 2023 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng số 161/GCN-UBCK ngày 29 tháng 6 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng là 51.000.000.000 đồng (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và mua lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá bán một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 40.000.000.000 VND, tương đương với 4.000.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 48/GCN-UBCK ngày 18 tháng 4 năm 2023. Chứng chỉ quỹ được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 8 năm 2023.

Điều lệ hoạt động Quỹ ban hành ngày 26 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ ETF BVFVN DIAMOND.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF BVFVN DIAMOND được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ” hoặc “Công ty”), trước đây là Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt, là công ty con 100% sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt (trước đây là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam) được thành lập và hoạt động theo các Quyết định, giấy phép của cơ quan có thẩm quyền sau:

- Quyết định số 911/2005/QĐ/HĐQT-BV ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.
- Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2005 và các Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2, do phòng đăng kí kinh doanh, sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 10 tháng 11 năm 2022.

Một số thông tin về Công ty theo các Quyết định/giấy phép nêu trên như sau:

Mã số doanh nghiệp	0100111761-129
Tên doanh nghiệp	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính	Tầng 5, Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"><li>- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán</li><li>- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán</li><li>- Tư vấn đầu tư chứng khoán</li><li>- Các hoạt động kinh doanh khác phù hợp quy định pháp luật</li></ul>
Vốn điều lệ	100.000.000.000 VND
Thành viên sáng lập	Tập đoàn Bảo Việt

# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đình An - Tổng Giám đốc.

## NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư. Nhiệm vụ của Ngân hàng Giám sát bao gồm bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, các hợp đồng kinh tế, chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ, thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Theo chấp thuận tại quyết định số 161/GCN-UBCK ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, trụ sở đăng ký: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội; giấy phép hoạt động lưu ký số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

## BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Đào Việt Anh	Chủ tịch	Ngày 14 tháng 6 năm 2023
Bà Trần Thu Hiền	Thành viên	Ngày 14 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	Ngày 14 tháng 6 năm 2023

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("Tổng giám đốc"), với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt ("Công ty"), với tư cách là Công ty Quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ hoán đổi danh mục.

Thay mặt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt



Ông Nguyễn Đình An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

**1.1 Tên của Quỹ:** Quỹ ETF BVFVN DIAMOND (“Quỹ”).

#### 1.2 Mục tiêu đầu tư của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu.

#### 1.3 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, thay đổi giá trị tài sản ròng trên chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ) của Quỹ là 11,19%. Trong kỳ, thay đổi của chỉ số tham chiếu VN DIAMOND tương ứng là 8,54%.

#### 1.4 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động trên cơ sở mô phỏng chỉ số VN DIAMOND để đạt được mục tiêu đầu tư. Khi danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu có sự thay đổi, Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số tham chiếu về cơ cấu và tỉ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với Chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của chỉ số VN DIAMOND về cơ cấu, tỉ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số VN DIAMOND và giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của VN DIAMOND. Danh mục đầu tư có mức sai lệch so với chỉ số VN DIAMOND không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HSX”) và các quy định của pháp luật.

Quỹ được phép đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm;

Quỹ được phép đầu tư vào các chứng khoán cơ cấu của chỉ số VN DIAMOND và các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- e) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán của Việt Nam và chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
- f) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán Quỹ đang nắm giữ.

#### 1.5 Phân loại Quỹ

Quỹ hoán đổi danh mục.



# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

#### 1.6 Thời gian hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ ETF BVFVN DIAMOND được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập Quỹ, và không giới hạn về thời gian hoạt động.

#### 1.7 Mức độ rủi ro của Quỹ: Trung bình.

#### 1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 44.477.718.995 đồng Việt Nam và vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 40.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 4.000.000 chứng chỉ quỹ.

#### 1.9 Chỉ số tham chiếu của Quỹ: Chỉ số VN DIAMOND

#### 1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

- Lợi tức phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Căn cứ kết quả hoạt động hàng năm của Quỹ, Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư, quyết định việc phân chia lợi nhuận của Quỹ theo đúng các quy định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi tức khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi tức cho Nhà đầu tư.
- Sau khi phân chia lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi tức quỹ, bao gồm các nội dung sau:
  - Phương pháp phân chia lợi tức (bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ);
  - Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
  - Giá trị lợi tức được phân chia, số lượng chứng chỉ quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng chứng chỉ quỹ);
  - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
  - Các ảnh hưởng tác động tới Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

#### 1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

### 2.1 Cơ cấu tài sản của Quỹ

Cơ cấu tài sản Quỹ	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
Danh mục chứng khoán cơ cấu	99,73%
Tiền gửi thanh toán	0,27%
<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>

### 2.2 Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	Giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm cuối năm	44.477.718.995
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	4.000.000
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ (CCQ)	11.119,42
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	11.883,09
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	9.885,00
Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	11.119,42
Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	Không áp dụng
Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	Không áp dụng
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	Không áp dụng
Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	-
Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	-
Ngày chốt quyền	Không áp dụng
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ (%)	2,23%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	27,75%

### 2.3 Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn (*)	Tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
Từ khi thành lập	11,19%	N/A
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	8,54%	N/A

(\*) Tính từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoán đổi danh mục ngày 29 tháng 6 năm 2023.

### 2.4 Tăng trưởng qua từng kỳ báo cáo

Ghi chú: Do Quỹ mới được thành lập ngày 29 tháng 6 năm 2023 nên chưa phản ánh được số liệu tăng trưởng qua từng kỳ báo cáo.

# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

### 3.1 *Kinh tế vĩ mô*

Tăng trưởng GDP năm 2023 ước đạt 5,05%, chỉ cao hơn tốc độ tăng trưởng các năm 2020, 2021 trong giai đoạn 2011 - 2023. Về tổng thể, tốc độ tăng trưởng GDP thấp so với mặt bằng lịch sử là do nền kinh tế phải đối mặt với rất nhiều yếu tố bất lợi ở cả trong nước lẫn quốc tế. Điểm tích cực là tăng trưởng GDP có xu hướng tăng dần theo từng quý trong năm 2023, trong đó tăng trưởng GDP Quý IV/2023 đạt kết quả tốt với mức 6,72% (thấp nhất là tăng trưởng GDP Quý I/2023 với mức 3,41%).

Xét theo từng khu vực, động lực tăng trưởng của nền kinh tế trong năm 2023 là khu vực "Dịch vụ" với mức tăng 6,82% (đóng góp 62,29% vào tăng trưởng chung). Trong số các ngành có quy mô lớn của khu vực "Dịch vụ", 03 ngành ghi nhận tốc độ tăng trưởng vượt trội so với mức bình quân là "Bán buôn và bán lẻ" (8,82%), "Vận tải kho bãi" (9,18%), "Dịch vụ lưu trú và ăn uống" (12,24%), các ngành còn lại tăng trưởng ở mức dưới bình quân, trong đó kém tích cực nhất là "Kinh doanh bất động sản" (0,09%). Đối với khu vực "Công nghiệp và xây dựng", tốc độ tăng trưởng chỉ đạt 3,74% (đóng góp 28,87% vào tăng trưởng chung), giảm 1/2 so với tốc độ tăng trưởng của năm 2022, trong đó ngành đầu tàu là "Công nghiệp chế biến chế tạo" giảm tốc mạnh so với năm 2022. Đáng chú ý nhất trong khu vực "Công nghiệp và xây dựng" là ngành "Xây dựng" duy trì được tốc độ tăng trưởng tốt kể từ năm trước do hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh (7,06%). Khu vực "Nông, lâm nghiệp và thủy sản" tiếp tục đảm bảo được sự ổn định và thậm chí đạt kết quả tăng trưởng khá tốt so với mặt bằng lịch sử (3,83%, đóng góp 8,84% vào tăng trưởng chung).

Chỉ số sản xuất công nghiệp ("IIP") hàng tháng ghi nhận kết quả ở mức thấp trong 8 tháng đầu năm 2023 (bình quân 0,5%) nhưng có sự hồi phục tích cực trong giai đoạn tháng 9 - 12/2023 (bình quân 5,2%). Kết thúc năm 2023, chỉ số IIP toàn ngành Công nghiệp chỉ tăng 1,5%, trong đó ngành "Công nghiệp chế biến, chế tạo" tăng 1,6%. Nhìn chung, hầu hết phân ngành lớn, đặc biệt là các phân ngành liên quan tới xuất khẩu, có xu hướng giảm tốc mạnh.

Trong năm 2023, chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng ("PMI") của Việt Nam có 10/12 tháng đạt kết quả ở ngưỡng dưới 50 điểm, phản ánh tình trạng sản xuất suy giảm đáng kể. Mặt khác, kết quả PMI bình quân năm 2023 ở mức thấp nhất kể từ thời điểm bùng phát dịch Covid-19 vào năm 2020. Theo kết quả khảo sát ở một số tháng cuối năm, các doanh nghiệp đang gặp khó khăn ở cả đầu vào cũng như đầu ra. Đối với đầu vào, chi phí đầu vào có xu hướng tăng do một số yếu tố như giá dầu, giá điện, tỷ giá USD/VND... Đối với đầu ra, nhu cầu tiếp tục ở mức thấp mặc dù đã có sự cải thiện, bao gồm cả nhu cầu từ các thị trường nước ngoài. Do chi phí tăng, các nhà sản xuất đã phải tăng giá bán trong 05 tháng liên tiếp nhưng cố gắng hạn chế ở mức nhẹ nhất có thể để kích thích nhu cầu. Mặc dù vậy, đối với triển vọng trong năm 2024, các công ty vẫn kỳ vọng tình hình sẽ có sự chuyển biến theo hướng tích cực hơn, nhu cầu có thể hồi phục ở cả thị trường trong nước lẫn nước ngoài.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2023 tăng trưởng 6,2% so với năm trước. Đóng vai trò dẫn dắt đối với tăng trưởng đầu tư trong năm 2023 là vốn đầu tư khu vực Nhà nước với mức tăng 14,6%, trong đó vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 625,3 nghìn tỷ đồng, bằng 85,3% kế hoạch năm và tăng 21,2% so với năm trước. Như vậy, mặc dù đã tăng tốc mạnh trong nửa cuối 2023, kết quả giải ngân vốn đầu tư công vẫn chưa đạt được mục tiêu của Chính phủ (tối thiểu 95% kế hoạch). Theo báo cáo của Bộ Tài chính, một số yếu tố đã làm chậm tiến độ giải ngân nhưng chưa được tháo gỡ kịp thời như vướng mắc về cơ chế, chính sách cũng như tổ chức thực hiện. Vốn đầu tư ở 02 khu vực còn lại tăng trưởng thấp hơn so với mức bình quân, đặc biệt là khu vực ngoài Nhà nước do tâm lý thận trọng trước diễn biến không thuận lợi của kinh tế trong nước và thế giới.

Chỉ số giá tiêu dùng ("CPI"): Trong năm 2023, lạm phát toàn phần có xu hướng hạ nhiệt trong nửa đầu năm 2023 nhưng tăng khá mạnh trở lại trong nửa cuối 2023 mặc dù vẫn ở mặt bằng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022.

# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

#### 3.1 *Kinh tế vĩ mô* (tiếp theo)

Tính bình quân trong năm 2023, lạm phát đã được kiểm soát thành công trong mục tiêu của Chính phủ.

- Các nhóm hàng hóa có ảnh hưởng lớn tới CPI xuyên suốt trong năm là "Nhà ở và vật liệu xây dựng" (tăng bình quân 6,58%), "Giáo dục" (tăng bình quân 7,44%), trong khi đó, các nhóm mặt hàng còn lại có biến động tùy từng giai đoạn. Khác biệt với lạm phát toàn phần, CPI lõi ("Core CPI") ghi nhận xu hướng giảm tốc khá ổn định trong năm. Tuy nhiên, Core CPI hiện vẫn ở mức tương đối cao so với mặt bằng một số năm gần đây cho thấy rủi ro lạm phát vẫn ở mức đáng kể.

Giá trị vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ("FDI") đăng ký mới và giá trị vốn FDI giải ngân lần lượt đạt 20,19 tỷ USD và 23,18 tỷ USD, tương ứng với các mức tăng 62,2% và 3,5%. Giá trị vốn FDI đăng ký mới và FDI giải ngân đều là các mức cao nhất trong lịch sử của Việt Nam. Như vậy, việc thu hút vốn FDI đã tích cực hơn rất nhiều so với đánh giá ở thời điểm đầu năm 2023 trong bối cảnh kinh tế thế giới giảm tốc mạnh. Các dự án đăng ký mới có sự đa dạng về quy mô với nhà đầu tư tiếp tục đến từ các quốc gia truyền thống như Singapore, Trung Quốc, Hong Kong, Đài Loan, Nhật Bản..., lĩnh vực được đầu tư chủ yếu là công nghiệp chế biến, chế tạo (78,5% vốn FDI đăng ký mới).

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2023 ước đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm 2022, trong đó khu vực kinh tế trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đều suy giảm lần lượt là 0,3% và 5,8%. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu cả năm suy giảm, dấu hiệu tích cực là kim ngạch xuất khẩu giai đoạn tháng 9 - 12/2023 đã tăng trưởng trở lại với tốc độ tăng dần.

- Có 07 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn hơn 10 tỷ USD, trong đó 2/7 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng so với năm trước, cụ thể là "Điện tử, máy tính, linh kiện" (tăng 3,3%), Phương tiện vận tải và phụ tùng (tăng 14,6%). Đáng chú ý là nhóm "Điện thoại và linh kiện" không còn duy trì được vị trí là nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam như nhiều năm trước đó (xếp sau nhóm "Điện tử, máy tính, linh kiện").
- Nhìn chung, hầu hết các thị trường có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất đều suy giảm trong năm 2023, trừ Trung Quốc. Thị trường có mức suy giảm mạnh nhất là Mỹ (11,6%), tiếp theo là EU (5,9%).
- Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước đạt 327,5 tỷ USD, giảm 8,9% so với năm 2022. Trung Quốc là đối tác nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với giá trị 111,6 tỷ USD, giảm 5,9% so với năm 2022.
- Trong năm 2023, Việt Nam ghi nhận xuất siêu kỷ lục ở mức 28 tỷ USD, tăng 2,3 lần so với năm 2022. Quốc gia có thặng dư thương mại lớn nhất với Việt Nam tiếp tục là Mỹ (83 tỷ USD), trong khi đó, quốc gia có thâm hụt thương mại lớn nhất là Trung Quốc (49,9 tỷ USD).

Tỷ giá USD/VND có xu hướng tăng trong năm 2023 với mức đỉnh được ghi nhận trong Quý IV/2023. Nhìn chung, các yếu tố chính ảnh hưởng tới tỷ giá USD/VND bao gồm: (1) chỉ số sức mạnh Dollar Mỹ ("DXY") biến động khá mạnh trong năm 2023, đặc biệt là giai đoạn sáu tháng cuối năm 2023, (2) chênh lệch lãi suất giữa Việt Nam và Mỹ ở mức cao khi chính sách tiền tệ có sự khác biệt lớn giữa 02 quốc gia. Trong giai đoạn cuối năm 2023, tỷ giá USD/VND hạ nhiệt dần do chỉ số DXY giảm trở lại và tác động từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để ổn định tỷ giá. Điểm đáng chú ý trong việc điều hành tỷ giá USD/VND là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã không phải sử dụng đến dự trữ ngoại hối như năm 2022 mà thậm chí còn bổ sung được dự trữ ngoại hối. Theo ước tính của Quỹ tiền tệ quốc tế ("IMF"), dự trữ ngoại hối của Việt Nam tại thời điểm cuối năm 2023 đã ở mức an toàn theo thông lệ quốc tế (ước tính khoảng 15 - 16 tuần nhập khẩu).

Kết thúc năm 2023, tỷ giá USD/VND tăng 2,69% so với thời điểm kết thúc năm 2022, nhưng giảm 1,3% kể từ mức đỉnh trong tháng 11/2023.

# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

#### 3.2 *Thị trường tài chính, tiền tệ, ngân hàng*

Theo thông tin của Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tăng trưởng cung tiền M2, tăng trưởng huy động và tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại trong năm 2023 lần lượt là 10,03%, 10,85%, 13,5%. Như vậy, mặc dù kết quả 9 tháng đầu năm 2023 tương đối thấp (6,92%), tăng trưởng tín dụng trong Quý IV/2023 đã có sự cải thiện đáng kể và tăng trưởng tín dụng trong cả năm 2023 không quá chênh lệch so với mục tiêu cũng như mặt bằng các năm trước. Điểm đáng chú ý khác là tăng trưởng M2 cũng có sự chuyển biến mạnh mẽ trong Quý IV/2023 so với kết quả 9 tháng đầu năm 2023 (tăng từ 4,75% lên 10,03%) cho thấy chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã được thực hiện linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế.

Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã 04 lần điều chỉnh giảm các loại lãi suất điều hành với mức giảm trong khoảng 0,5% – 2,0% trong bối cảnh mặt bằng lãi suất tại các nền kinh tế phát triển vẫn ở mức cao. Hiện tại, lãi suất điều hành của Việt Nam chỉ cao hơn giai đoạn Covid-19 và vẫn còn dư địa điều chỉnh trong trường hợp cần thiết.

Để tháo gỡ khó khăn cho hệ thống ngân hàng thương mại và các doanh nghiệp trong hoạt động tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư 02/2023/TT-NHNN quy định về việc cơ cấu nợ, giãn hoãn nợ. Tính đến cuối Quý III/2023, tổng dư nợ được tái cơ cấu theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN là khoảng 140.000 tỷ đồng (~ 1,09% tổng dư nợ toàn hệ thống ngân hàng thương mại). Trường hợp Thông tư 02/2023/TT-NHNN hết hiệu lực vào tháng 06/2024 theo kế hoạch, quy mô nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại có thể gia tăng.

Theo thông tin từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, việc gia hạn Thông tư số 02/2023/TT-NHNN sẽ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét trong Quý I/2024 tùy theo tình hình thực tế.

Lãi suất thị trường liên ngân hàng (“VNIBOR”) hình thành xu hướng giảm xuyên suốt trong năm 2023 kể từ vùng đỉnh cuối năm 2022. Tại thời điểm cuối năm 2023, lãi suất VNIBOR các kỳ hạn ngắn (< 3 tháng) đã giảm sâu về vùng đáy của giai đoạn dịch bệnh (nửa cuối năm 2020 đến nửa đầu năm 2022). Nhìn chung, kể từ đầu Quý II/2023, thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại chuyển sang trạng thái dư thừa do nhu cầu vốn trong nền kinh tế ở mức thấp.

Lãi suất trên thị trường 1 cũng giảm liên tục qua từng tháng trong năm 2023. Tại thời điểm cuối năm 2023, mặt bằng lãi suất các kỳ hạn 6 – 12 tháng tại các ngân hàng thương mại lớn đã giảm khoảng 300 – 325 điểm cơ bản (“bps”) so với thời điểm cuối năm 2022. Nếu so với vùng đáy trong giai đoạn dịch bệnh (nửa cuối năm 2020 đến nửa đầu năm 2022), mặt bằng lãi suất hiện hành thậm chí còn thấp hơn khoảng 50 bps. Mặc dù vậy, khả năng lãi suất tiếp tục giảm sâu là không nhiều và mặt bằng hiện tại có thể được xem là vùng đáy trung – dài hạn của nền kinh tế Việt Nam.

#### 3.3 *Thị trường trái phiếu chính phủ (“TPCP”)*

Lãi suất trái phiếu chính phủ trên thị trường sơ cấp và thứ cấp hình thành xu hướng giảm trong năm 2023 và cơ bản vận động ở vùng đáy của giai đoạn dịch bệnh (nửa cuối năm 2020 đến nửa đầu năm 2022) trong Quý IV/2023. Nhìn chung, biến động lãi suất trái phiếu chính phủ tại các thị trường phát triển trên thế giới (Mỹ, EU...) hầu như không ảnh hưởng tới vận động của lãi suất trái phiếu chính phủ tại thị trường Việt Nam.

Trong năm 2023, Kho bạc Nhà nước đã phát hành được khoảng 298.500 nghìn tỷ đồng trái phiếu chính phủ, tăng 39% so với năm 2022 nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với kế hoạch năm (~ 75% kế hoạch). Giá trị phát hành tập trung chủ yếu ở kỳ hạn 10 năm (118.900 tỷ đồng) và 15 năm (132.100 tỷ đồng), ngoài ra là kỳ hạn 05 năm (31.900 tỷ đồng) và 30 năm (12.602 tỷ đồng), các kỳ hạn 7 năm và 20 năm có giá trị phát hành không đáng kể.

# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ (tiếp theo)

### 3.4 *Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (“TPDN”)*

Trong năm 2023, có 315 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2023 với tổng quy mô 311.240 tỷ đồng (29 đợt phát hành ra công chúng với quy mô 37.070 tỷ đồng, còn lại là phát hành riêng lẻ). So với năm 2022, quy mô phát hành tăng 22% nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với giai đoạn bùng nổ 2020 – 2021.

Về cơ cấu phát hành, trái phiếu ngân hàng là 176.006 nghìn tỷ đồng, chiếm 56,5% quy mô trái phiếu phát hành thành công trong năm. Bất động sản – Xây dựng vẫn là ngành có quy mô đứng thứ hai với 75.523 tỷ đồng, chiếm 24,3%. Các nhóm ngành còn lại chủ yếu từ các đợt phát hành của các doanh nghiệp lớn như Vinfast, Thaco (sản xuất), Masan – MSR – Núi Pháo (hàng tiêu dùng – nguyên vật liệu), Vietjet (vận tải). Mặc dù tăng trưởng về quy mô phát hành mới nhưng số lượng doanh nghiệp tham gia kém đa dạng hơn.

Ở chiều mua lại trái phiếu trước hạn, tổng giá trị đã được các doanh nghiệp mua lại trong năm là 241.950 tỷ đồng (ngân hàng chiếm 50,6%). Quy mô trái phiếu được gia hạn nợ là hơn 111.000 tỷ đồng (tính đến hết tháng 11/2023). Trong năm 2023, tổng giá trị trái phiếu đến hạn là 276.990 tỷ đồng (nhóm bất động sản là 113.486 tỷ đồng). Có thể thấy rằng thị trường trái phiếu doanh nghiệp chưa có nhiều dấu hiệu tích cực. Ngoài nhóm ngân hàng với hoạt động phát hành, mua lại trước hạn theo thỏa thuận thường xuyên, nhóm doanh nghiệp bất động sản có dư nợ trái phiếu rất lớn, áp lực trả nợ đáo hạn dồn sang các năm tiếp theo trong khi triển vọng hoạt động kinh doanh chưa khởi sắc. Đối với các nhóm ngành khác, trái phiếu doanh nghiệp chưa phải là kênh huy động vốn hiệu quả khi số lượng doanh nghiệp tham gia phát hành còn rất ít, nhà đầu tư chưa đa dạng, mức độ công khai, minh bạch còn thấp.

### 3.5 *Thị trường chứng khoán (“TTCK”)*

Chỉ số VN-Index (“VNI”) kết thúc năm 2023 ở mức 1.129,93 điểm, tương đương với mức tăng 12,2% trong năm 2023. Có thể xem rằng vùng đáy trung – dài hạn của chỉ số VNI đã được thiết lập trong năm 2023 sau nhịp giảm điểm rất mạnh trong năm 2022. Thanh khoản trên thị trường cổ phiếu có xu hướng gia tăng trở lại trong năm 2023 sau khi suy giảm đáng kể trong nửa cuối 2022 với giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân một phiên trên cả 03 sàn giao dịch đạt khoảng 15.560 tỷ đồng. Mặc dù kết quả kinh doanh của đại bộ phận doanh nghiệp suy giảm so với năm trước, yếu tố hỗ trợ lớn nhất đối với thị trường cổ phiếu trong năm 2023 là mặt bằng lãi suất của Việt Nam đã giảm sâu.

Yếu tố hạn chế trên thị trường cổ phiếu là nhà đầu tư nước ngoài duy trì hoạt động bán ròng trong năm với giá trị khá lớn. Tổng giá trị bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2023 là 19.500 tỷ đồng, trong đó bán ròng trong sáu tháng cuối 2023 là 22.884 tỷ đồng (chỉ tính giao dịch khớp lệnh).

Tại thời điểm cuối tháng 12/2023, chỉ số đánh giá mối quan hệ giữa giá thị trường của cổ phiếu với thu nhập trên một cổ phiếu (“P/E”) của chỉ số VNI được ghi nhận ở mức 15,03, thấp hơn mức trung bình trong giai đoạn 2015 – 12/2023 (tối đa: ~ 22, tối thiểu: ~ 10,4, trung bình 16,9). So với các thị trường trong khu vực Asean, sự hấp dẫn của chỉ số VNI ở mức “trung bình” theo các chỉ tiêu định giá phổ biến.

Trong năm 2023, một số cổ phiếu có vốn hóa lớn (cổ phiếu trụ) giảm mạnh do những vấn đề mang tính nội tại (họ Vin, MSN...) trong khi đó các cổ phiếu thuộc nhóm vừa và nhỏ lại có vận động giá tốt hơn (VN70, VN30 vượt trội VNI, VN30). Mặc dù chịu ảnh hưởng tiêu cực từ một số cổ phiếu trụ, chỉ số VNI vẫn tăng điểm tốt nhất trong khu vực Asean.

# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

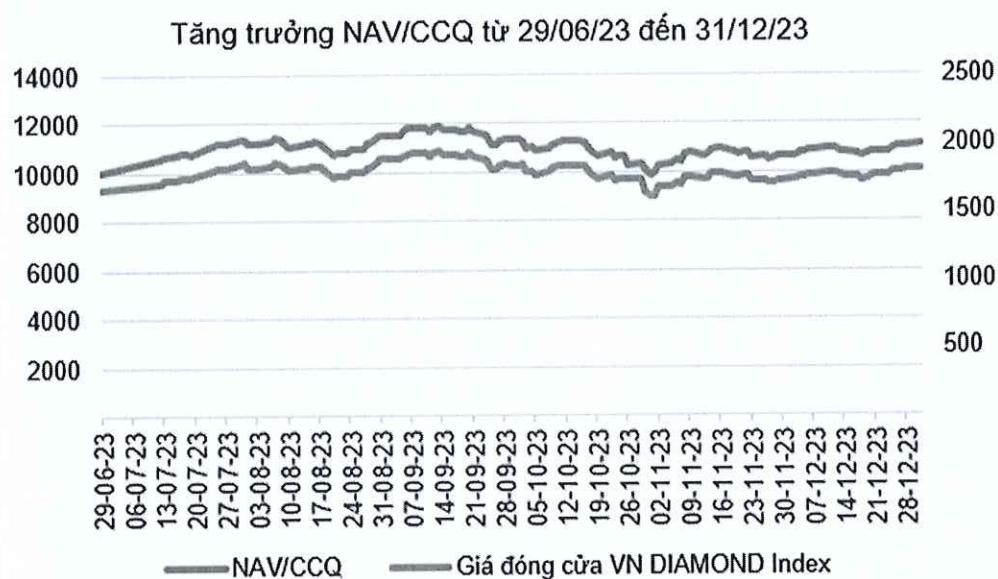
### 4.1 Số liệu chi tiết hoạt động

	Từ khi thành lập (*) (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	Không áp dụng
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	11,19%
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị CCQ	11,19%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	8,54%
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	7,75%

Tổng tăng trưởng, tăng trưởng hàng năm: Dựa trên tăng trưởng của giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ;  
Chỉ số tham chiếu: Dựa trên giá công bố giao dịch cuối cùng ở thời điểm gần nhất;

(\*) Tính từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoán đổi danh mục ngày 29 tháng 6 năm 2023.

Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoán đổi danh mục.



### 4.2 Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	1	200	0,005%
Từ 50.000 đến 500.000	4	800.000	20,00%
Trên 500.000	3	3.199.800	79,995%
<b>Tổng cộng</b>	<b>8</b>	<b>4.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### 4.3 Chi phí ngầm và giảm giá: Không có

# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

### 5.1 Kinh tế vĩ mô

Trước những biến động tiêu cực của kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam đã trải qua một giai đoạn đầy khó khăn trong năm 2023. Kết quả này cũng cho thấy tính liên thông chặt chẽ giữa kinh tế Việt Nam và kinh tế thế giới. Với khả năng kinh tế thế giới sẽ ổn định và hồi phục trong năm 2024, kinh tế Việt Nam cũng được kỳ vọng sẽ đạt được kết quả tích cực hơn trong thời gian tới.

Mặc dù tăng trưởng GDP giảm tốc mạnh, điểm sáng của kinh tế Việt Nam trong năm 2023 là sự linh hoạt trong việc điều hành vĩ mô của Chính phủ. Trong bối cảnh các nền kinh tế phát triển vẫn tiếp tục thắt chặt tiền tệ một cách quyết liệt, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ của Việt Nam trong năm 2023 đã được vận hành theo hướng nới lỏng. Trên cơ sở lạm phát trên thế giới hạ nhiệt và các Ngân hàng Trung ương (“NHTW”) lớn sẽ bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ, định hướng điều hành các chính sách vĩ mô của Việt Nam trong năm 2024 sẽ không thay đổi so với năm 2023. Về tổng thể, chính sách tài khóa còn nhiều dư địa dựa trên các chỉ tiêu an toàn tài chính quốc gia trong khi đó dư địa đối với chính sách tiền tệ có thể có sự hạn chế nhất định do các loại lãi suất điều hành đã được điều chỉnh về vùng thấp lịch sử trong năm 2023. Mặc dù vậy, ngoài công cụ lãi suất, Ngân hàng Nhà nước còn có những công cụ khác để điều hành chính sách tiền tệ như M2, hạn mức tăng trưởng tín dụng... Mức độ nới lỏng chính sách tiền tệ, công cụ sử dụng sẽ còn phụ thuộc vào diễn biến của các biến số vĩ mô nhạy cảm như lạm phát, tỷ giá... Dựa trên các điều kiện thực tế của Việt Nam và thông lệ quốc tế, trong năm 2024, tăng trưởng tín dụng của hệ thống Ngân hàng Thương mại (“NHTM”) có thể kỳ vọng ở mức 15%, tăng trưởng M2 sẽ cao hơn giai đoạn 2022 – 2023.

Đầu tư công sẽ vẫn tiếp tục là bộ phận quan trọng của nền kinh tế trong năm 2024. Theo chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và quy hoạch phát triển quốc gia tổng thể giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, quy mô đầu tư công trong giai đoạn 2021 – 2030 phải đảm bảo ở mức bình quân 7,3% GDP/năm để hỗ trợ xây dựng hạ tầng trên toàn quốc. Trong giai đoạn 2021 – 2022, do nhiều vấn đề chủ quan lẫn khách quan, tỷ lệ giải ngân đầu tư công chỉ ở mức khoảng 5% - 6% GDP. Như vậy, việc đẩy mạnh giải ngân đầu tư công trong ngắn hạn (2024) cũng như dài hạn (2025 – 2030) là nhiệm vụ mang tính chiến lược quốc gia. Bên cạnh đó, dư địa cho hoạt động đầu tư công vẫn còn tương đối lớn do tỷ lệ nợ công trên GDP trong giai đoạn hiện tại ( $\leq 40\%$ ) vẫn ở khá xa ngưỡng cho phép (60% GDP). Mặc dù kết quả giải ngân đầu tư công năm 2023 (~ 625,3 nghìn tỷ đồng) được xem là đột biến so với mặt bằng trong lịch sử, kế hoạch đầu tư công năm 2024 tiếp tục được xác định ở mức cao hơn. Trong giai đoạn 2022 – 2023, nhiều dự án đầu tư công lớn đã được khởi công và như vậy điểm thuận lợi đối với năm 2024 là các yếu tố có thể làm chậm tiến độ giải ngân như quá trình/thủ tục phê duyệt, công tác giải phóng mặt bằng... đã được giảm thiểu. Nếu việc giải ngân được thực hiện tốt ngay từ giai đoạn đầu năm, sức lan tỏa trong nền kinh tế sẽ lớn hơn đáng kể.

Một động lực quan trọng khác của kinh tế Việt Nam có thể tích cực trở lại trong năm 2024 là xuất khẩu. Theo ước tính của Ngân hàng thế giới (“WB”), các ngành kinh tế liên quan tới xuất khẩu của Việt Nam có quy mô khoảng 50% GDP. Xuất khẩu suy giảm mạnh trong năm 2023 đã tạo ra tác động rất tiêu cực cho tăng trưởng kinh tế. Xuất khẩu khó khăn, ngoài nguyên nhân cơ bản là nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam yếu đi, còn một nguyên nhân khác là do các đối tác nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đã tích trữ hàng tồn kho nhiều hơn so với thông thường trong năm 2022 do lo ngại về sự đứt gãy chuỗi cung ứng. Nhu cầu suy yếu khiến quy mô hàng tồn kho duy trì ở mức cao trong thời gian dài và càng làm hạn chế hoạt động nhập khẩu.

Theo thông tin cập nhật, quy mô hàng tồn kho đã giảm về mức thấp trong 6 tháng cuối năm 2023 và có thể bắt đầu hỗ trợ hoạt động xuất khẩu kể từ thời điểm này. Như vậy, trong năm 2024, sự ổn định và hồi phục của kinh tế thế giới sẽ là tiền đề để hoạt động xuất khẩu tăng trưởng trở lại. Mặc dù nhu cầu có thể vẫn ở mức thấp trong nửa đầu năm 2024, hoạt động mua hàng để bổ sung hàng tồn kho vẫn có khả năng tạo ra sự cải thiện đối với hoạt động xuất khẩu.



# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

### 5.1 *Kinh tế vĩ mô* (tiếp theo)

Kể từ Quý III/2024, xuất khẩu có thể chứng kiến tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ khi nhu cầu thực sự hồi phục. Đánh giá sơ bộ, đóng góp của xuất khẩu vào tăng trưởng GDP trong giai đoạn 2024 – 2025 có thể tương tự như giai đoạn 2021 – 2022 (WB).

Kinh tế thế giới và trong nước ổn định là nền tảng để tiêu dùng và đầu tư tư nhân tăng tốc trong thời gian tới. Trong cơ cấu tổng vốn đầu tư toàn xã hội của Việt Nam trong các năm vừa qua, vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước luôn chiếm tỷ trọng trên 50%. Trong năm 2023, việc nới lỏng chính sách tiền tệ đã làm mặt bằng lãi suất giảm đáng kể nhưng vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước vẫn tăng trưởng rất thấp so với mức bình quân lịch sử và cũng là yếu tố làm giảm tốc tăng trưởng GDP. Nguyên nhân cơ bản là do doanh nghiệp và người dân đều có tâm lý thận trọng trước triển vọng kinh doanh/đầu tư chưa rõ ràng. Trong năm 2024, đầu tư tư nhân được kỳ vọng sẽ dần dần phục hồi và từng bước thay thế vai trò dẫn dắt của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế. Ngoài vốn đầu tư khu vực Nhà nước và khu vực ngoài Nhà nước, vốn đầu tư khu vực FDI nhiều khả năng sẽ duy trì sự ổn định so với mặt bằng giai đoạn 2022 – 2023 (biến động tăng/giảm nhẹ). Kể từ khi dịch Covid-19 bùng phát đến nay, hoạt động đầu tư FDI vào Việt Nam (vốn đăng ký cấp mới) có xu hướng chững lại và sẽ ảnh hưởng tới việc thực hiện đầu tư vốn FDI trong các năm tiếp theo. Ở thời điểm hiện tại, việc thu hút vốn FDI có thêm yếu tố tác động từ chính sách thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu và tác động của yếu tố này chưa thật sự rõ ràng. Tương tự đầu tư tư nhân, hoạt động tiêu dùng cũng được kỳ vọng sẽ có sự cải thiện theo thời gian trong năm 2024. Ngoài tiêu dùng của người dân trong nước, khách du lịch quốc tế cũng có thể có đóng góp nhất định trong việc gia tăng tiêu dùng/sử dụng hàng hóa, dịch vụ. Số lượng khách quốc tế tới Việt Nam trong năm 2023 đã tăng mạnh so với giai đoạn 2021 – 2022 nhưng vẫn chưa thể quay lại mức trước dịch (năm 2019) và xu hướng phục hồi vẫn được kỳ vọng trên cơ sở kinh tế thế giới ổn định và Việt Nam đã có những điều chỉnh về chính sách nhập cảnh đối với người nước ngoài.

Trên cơ sở lạm phát trên toàn thế giới giảm tốc và NHTW tại các nước phát triển sẽ bắt đầu đảo chiều chính sách tiền tệ trong năm 2024, các biến số vĩ mô như lạm phát, tỷ giá được kỳ vọng sẽ không có biến động bất thường trong năm 2024. Mặc dù vậy, áp lực đối với lạm phát và tỷ giá vẫn luôn hiện hữu. Như đã đề cập tại phần trên, định hướng đối với việc điều hành chính sách vĩ mô của Việt Nam trong năm 2024 là nới lỏng và bên cạnh đó, nhu cầu chi tiêu phục hồi cũng sẽ tạo thêm áp lực cho lạm phát. Ngoài ra, các yếu tố có khả năng tác động tới nguồn cung của hàng hóa quốc tế và trong nước như xung đột địa chính trị, thời tiết cực đoan... vẫn đang tồn tại. Để phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tương tự như năm 2023, Chính phủ rất có thể tiếp tục cho phép lạm phát biến động với biên độ lớn hơn mức thông lệ (tối đa 4,5%). Đối với tỷ giá, áp lực đối với VND sẽ lớn nhất trong giai đoạn các NHTW chưa bắt đầu hạ lãi suất từ nửa đầu năm 2024 do chênh lệch giữa lãi suất trong nước và lãi suất quốc tế.

Tuy nhiên, tỷ giá vẫn sẽ được hỗ trợ từ nguồn cung USD khá dồi dào của Việt Nam, bao gồm thặng dư thương mại được đảm bảo khi xuất khẩu phục hồi, du khách quốc tế gia tăng, giải ngân vốn FDI ổn định và dòng kiều hối trong năm 2024 cũng được dự báo tăng nhẹ so với năm 2023 (tăng khoảng 3% so với 2023, WB). Như vậy, không thể loại trừ tỷ giá có thể có biến động mạnh mang tính thời điểm nhưng mức biến động bình quân sẽ vẫn nằm trong mục tiêu điều hành của Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ.

Nhìn chung, các yếu tố ảnh hưởng tới vĩ mô của Việt Nam trong năm 2024 như đã đề cập đều theo hướng tích cực. Tuy nhiên, nền kinh tế, xét trên tổng thể vẫn còn một số tồn tại có thể ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế bền vững. Theo một số nghiên cứu, lĩnh vực bất động sản ("BDS") hiện đóng góp trực tiếp khoảng 15% vào GDP của Việt Nam, cùng với đó là sức lan tỏa tới 40 ngành nghề chủ chốt của nền kinh tế như xây dựng, ngân hàng – tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, du lịch... (Hiệp hội Bất động sản Việt Nam). Trong những năm vừa qua, thị trường BDS có xu hướng phát triển nóng, đỉnh điểm là giai đoạn 2021 – 2022, dẫn tới một tỷ lệ lớn sản phẩm BDS không phù hợp với nhu cầu nhà ở của dân cư mà được sử dụng cho mục đích đầu cơ dẫn tới mặt bằng giá BDS bị đẩy lên quá cao.

# Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

#### 5.1 Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

Bên cạnh đó, một số quy định pháp lý trong lĩnh vực BĐS cũng như tài chính ngân hàng chưa phù hợp đã tạo ra kẽ hở cho hoạt động đầu cơ trục lợi cả từ phía doanh nghiệp lẫn nhà đầu cơ. Kinh tế khó khăn, cùng với việc điều chỉnh quy định theo hướng kiểm soát chặt chẽ hơn hoạt động huy động vốn, dẫn tới nguồn vốn vào thị trường BĐS bị tắc nghẽn. Ngoài ra, việc sửa đổi Luật Đất đai cũng tạo ra vướng mắc pháp lý cho thị trường BĐS. Rủi ro trước mắt là số lượng TPDN liên quan tới BĐS không thể thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã và sẽ phát sinh trong giai đoạn 2023 – 2025.

Mặc dù Chính phủ đã thực hiện một số tháo gỡ về khung pháp lý cho thị trường BĐS cũng như hoàn thiện các quy định liên quan trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nhưng đây mới chỉ là điều kiện cần. Kinh nghiệm từ cuộc khủng hoảng BĐS tại Trung Quốc cho thấy rủi ro vẫn đang tiếp tục phát sinh cho dù Chính phủ đã có sự can thiệp mạnh tay. Trong dài hạn, thị trường BĐS có thể phải trải qua quá trình tái cấu trúc toàn diện từ quy hoạch, nhà đầu tư, nguồn vốn... để đảm bảo sự phát triển bền vững và đóng góp tích cực cho nền kinh tế.

#### 5.2 Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản năm 2024 như sau

Tăng trưởng GDP năm 2024 được kỳ vọng có sự cải thiện so với năm 2023 với tiền đề là sự ổn định và hồi phục của kinh tế thế giới. Các động lực tăng trưởng chủ chốt của nền kinh tế là đầu tư công và xuất khẩu trong giai đoạn đầu và đầu tư tư nhân, tiêu dùng trong giai đoạn tiếp theo. Xu hướng điều hành chung của các chính sách vĩ mô là mở rộng.

Rủi ro đối với dự báo như trên là kinh tế thế giới không hồi phục theo dự kiến cùng với các yếu tố bất định (VD: căng thẳng địa chính trị...) tác động tới giá cả hàng hóa dẫn tới lạm phát có thể nóng trở lại. Ngoài các yếu tố chịu tác động trực tiếp từ kinh tế thế giới, một yếu tố rủi ro khác mang tính đặc thù của nền kinh tế là thị trường bất động sản có thể phải trải qua quá trình tái cấu trúc đòi hỏi nhiều thời gian.

Chỉ tiêu	Năm					
	Bình quân 2017 – 2019	2020	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng GDP	6,96%	2,91%	2,58%	8,02%	5,05%	5,5% - 6,5%
Tăng trưởng CPI bình quân	3,28%	3,23%	1,84%	3,15%	3,25%	3,5% - 4,5%
Giảm giá VND	0,59%	- 0,32%	- 1,18%	3,54%	2,69%	≤ 4%
Xuất khẩu	14,3%	6,5%	19%	10,6%	- 4,4%	5% - 10%
Tăng trưởng tín dụng	15,26%	12,13%	13,53%	14,5%	13,5%	15%

#### 5.3 Thị trường tiền tệ

Nhận định về xu hướng vận động của lãi suất tiền gửi trong năm 2024 như sau:

- Lãi suất huy động tiếp tục duy trì ở mức thấp, tương đương với mặt bằng của Quý IV/2023 trong nửa đầu năm 2024 nhưng có thể bắt đầu tăng dần trong 6 tháng cuối năm 2024 (hoặc sớm hơn là từ Quý II/2024). Mặc dù vậy, khả năng lãi suất tăng mạnh như trong giai đoạn Quý IV/2022 là không lớn.
- Mức độ tăng lãi suất tối đa đối với các kỳ hạn từ 6 – 12 tháng của các NHTM lớn được kỳ vọng trong khoảng 50 – 100 bps so với thời điểm cuối năm 2023.
- Mức độ phân hóa lãi suất có thể tiếp tục ở mức cao giữa các NHTM có tỷ trọng lớn dư nợ tín dụng BĐS và TPDN trong tổng tài sản và nhóm còn lại.

# Quý ETF BVFVN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

### 5.4 Thị trường trái phiếu chính phủ ("TPCP")

Nhận định về xu hướng vận động của lãi suất trái phiếu chính phủ trong năm 2024 như sau:

- Lãi suất TPCP sẽ có xu hướng tăng trong năm 2024 so với mặt bằng lãi suất TPCP trong Quý IV/2023.
- Vùng vận động đối với lãi suất TPCP các kỳ hạn dài ( $\geq 10$  năm) được dự kiến với biên độ dưới là vùng đáy của lãi suất TPCP trong Quý IV/2023 và biên độ trên chênh lệch khoảng 80 – 150 bps so với biên độ dưới.

### 5.5 Thị trường trái phiếu doanh nghiệp ("TPDN")

Nhu cầu đầu tư TPDN ở mức thấp do Nhà đầu tư tiếp tục giữ quan điểm thận trọng về TPDN do nhiều tồn tại tiêu cực ở giai đoạn trước.

Quy mô trái phiếu đáo hạn, đến hạn thanh toán vẫn ở mức cao. Giai đoạn 2022 – 2023, nợ xấu TPDN chưa ghi nhận đáng kể do quy mô lớn trái phiếu đến hạn được kéo dài thời gian trả nợ và áp lực đáo hạn trái phiếu tiếp tục dồn vào các năm 2024 - 2025, lớn nhất là nhóm BĐS (2024: ~ 276.990 tỷ đồng, trong đó nhóm BĐS là 113.486 tỷ đồng) Việc trả nợ trái phiếu phụ thuộc vào sự hồi phục của các doanh nghiệp này, trong đó, nhiều doanh nghiệp lớn như Novaland, Hưng Thịnh, nhóm Vạn Thịnh Phát, ... vẫn đang có lượng tồn kho rất lớn, hệ số nợ cao, doanh số bán hàng khó cải thiện trong ngắn hạn.

Nhu cầu phát hành TPDN ở mức cao do khả năng tiếp cận vốn từ hệ thống NHTM của doanh nghiệp thuộc một số nhóm/ngành được xem là "rủi ro" sẽ vẫn rất hạn chế (BDS, Năng lượng, hạ tầng...).

Khả năng phát hành TPDN nhìn chung sẽ có sự hạn chế nhất định do các quy định chặt chẽ hơn của cơ quan quản lý nhà nước.

Mặt bằng lãi suất tiền gửi có thể tăng dần trong năm 2024 nhưng mức độ tăng không quá lớn (đề cập tại phần trên).

Số lượng TPDN được phát hành thành công có thể vẫn ở mức thấp, tập trung vào số ít doanh nghiệp lớn, có uy tín hoặc được hậu thuẫn đặc biệt từ các nhà đầu tư. Chênh lệch ("Spread") giữa lãi suất tiền gửi (kỳ hạn 12 tháng) và lãi suất TPDN có thể không khác biệt nhiều so với năm 2023, khoảng từ 3% - 5%/năm.

Đối với một số doanh nghiệp phát hành trái phiếu với mục đích đảo nợ hoặc tương tự, thay đổi lãi suất để gia hạn nợ, "spread" lãi suất có thể ở mức 7% – 8%/năm.

### 5.6 Thị trường cổ phiếu

Chỉ số VNI được nhận định sẽ tiếp tục xu hướng tăng điểm trong năm 2024 và hình thành vùng giá trị cao hơn so với năm 2023, cụ thể:

- +) Giới hạn dưới: Khu vực 1.050 – 1.150 điểm (vùng vận động của chỉ số VNI cuối Quý IV/2023);
- +) Giới hạn trên: Khu vực 1.300 – 1.500 điểm (vùng đỉnh của chỉ số VNI trong chu kỳ tăng điểm 2020 - 2022);

Chỉ số P/E của VNI được ước tính giao động trong khoảng 14 – 19 (giả định lợi nhuận trên cổ phiếu ("EPS") của các doanh nghiệp niêm yết tăng trưởng tối thiểu 10% trong năm 2024), vận động quanh mức bình quân 10 năm của chỉ số (P/E bình quân 2013 – 2023: 16,3) nhưng vẫn thấp hơn giá trị tại vùng đỉnh của 02 chu kỳ tăng điểm gần nhất (2018, 2022).

## Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 6. THÔNG TIN KHÁC

Nhân sự điều hành Quỹ và Ban đại diện Quỹ

Tên	Chức vụ	Bảng cấp	Quá trình công tác
Nhân sự điều hành Quỹ BVFVND	Ông Nguyễn Đức Lương Quản lý Danh mục đầu tư – Người điều hành	- Cử nhân Tài chính	- Hơn 14 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tài chính; - Từ tháng 3 năm 2019 đến nay: Quản lý danh mục đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt; - Từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 3 năm 2019: Giám đốc quản lý danh mục đầu tư tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt.
Nhân sự điều hành Quỹ BVFVND	Bà Nguyễn Thị Kim Thúy Quản lý Danh mục đầu tư – Người điều hành	- Thạc sỹ Kinh tế	- Hơn 24 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư tại Bảo Việt; - Từ tháng 5 năm 2021 đến nay: Quản lý Danh mục Đầu tư của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt.

## Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

### BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

#### 6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Nhân sự điều hành Quỹ và Ban đại diện Quỹ (tiếp theo)

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ban Đại diện Quỹ	Ông Đào Việt Anh	Chủ tịch	- Học 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán. - Phó phòng Nghiên cứu phân tích và Phát triển sản phẩm, CTCP Chứng khoán Vietinbank từ 5/2022 đến nay. - Phó phòng Quản lý đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ Vietinbank từ 2018 đến 2022. - Phó phòng Thẩm định, Công ty Quản lý Quỹ Vietinbank từ 2017 đến 2018. - Phó phòng Phân tích & Quản lý danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ Vietinbank từ 2014 đến 2017. - Trưởng nhóm, CTCP Chứng khoán FPT từ 2007 đến 2012.
Ban Đại diện Quỹ	Bà Trần Thu Hiền	Thành viên	- Hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp chế đầu tư. - Chuyên viên Ban Tuyên giáo – Pháp chế, Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 6/2016 đến nay. - Chuyên viên Ban Đầu tư Chiến lược, Khối Đầu tư, Tập đoàn Bảo Việt từ tháng 7/2011 đến tháng 5/2016. - Nhân viên Công ty Luật TNHH Invest Pro từ tháng 9/2009 đến tháng 6/2011.
Ban Đại diện Quỹ	Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên	- Hơn 17 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính – kiểm toán. - Phó Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - iCPA từ 2016 đến nay. - Giám đốc kiểm toán – Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - iCPA từ 01/2015 đến tháng 9/2016. - Giám đốc Ban tín dụng, Công ty Tài chính cổ phần Vinaconex từ tháng 4/2013 đến tháng 12/2014. - Trưởng phòng Giám sát và Báo cáo rủi ro Hội sở, Giám đốc Chi nhánh Bắc Ninh, Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á trong giai đoạn từ tháng 6/2010 đến tháng 02/2013. - Giám đốc điều hành Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn VNASC từ tháng 9/2009 đến tháng 6/2010.



Ông Nguyễn Đình An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF BVFVN DIAMOND (“Quỹ”) cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 06 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 06 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF BVFVN DIAMOND đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Trong năm, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 06 năm 2023 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**Võ Tri Thanh**

**Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**



**Vũ Trường Sơn**

Số tham chiếu: 12944109/67940384

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ ETF BVFVN DIAMOND**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF BVFVN DIAMOND (“Quỹ”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 21 đến trang 50 bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt***

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt, chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như tình hình thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2400-2023-004-1



Huỳnh Nhật Hưng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 5040-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024



**BÁO CÁO THU NHẬP**

cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ ngày 29/6/2023 đến ngày 31/12/2023
<b>1</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>6.078.505.895</b>
2	1.1. Cổ tức được chia	5	2.627.387.400
3	1.2. Tiền lãi được nhận		1.432.345
4	1.3. Lãi bán các khoản đầu tư	6	790.151.162
5	1.4. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	7	2.659.534.988
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>22.584.209</b>
11	2.1. Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	8	22.584.209
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF</b>		<b>609.192.110</b>
20.1	3.1. Phí quản lý Quỹ ETF		138.871.784
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ ETF		90.005.530
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		23.356.666
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF		100.100.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		31.725.807
20.6	3.6. Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF		
	Trong đó:		54.538.323
	- Phí cung cấp dịch vụ iNAV		10.607.469
	- Phí cấp quyền chỉ số VNDiamond		43.930.854
20.7	3.7. Thủ lao Ban đại diện, chi phí họp, đại hội Quỹ ETF		
	Trong đó:		
	- Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ		42.000.000
20.8	3.8. Chi phí kiểm toán		108.000.000
20.11	3.9. Chi phí hoạt động khác	9	20.594.000
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>5.446.729.576</b>
<b>30</b>	<b>V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>5.446.729.576</b>
31	5.1. Lợi nhuận đã thực hiện		2.787.194.588
32	5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		2.659.534.988
<b>41</b>	<b>VI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>5.446.729.576</b>


Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt



Ông Nguyễn Ngọc Duyên  
Phó phòng Tài chính Kế toán  
Người lập



Ông Đặng Chí Nghĩa  
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đình An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>		
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	<b>118.736.856</b>
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ ETF		118.736.856
120	2. Các khoản đầu tư thuần	11	<b>44.625.151.150</b>
121	2.1. Các khoản đầu tư		44.625.151.150
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>44.743.888.006</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>		
313	1. Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	12	10.803.046
316	2. Chi phí phải trả	13	129.000.000
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	14	126.365.965
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>266.169.011</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF</b>		<b>44.477.718.995</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	15	40.000.000.000
412	1.1. Vốn góp phát hành		51.000.000.000
413	1.2. Vốn góp hoán đổi lại		(11.000.000.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(969.010.581)
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	16	5.446.729.576
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>15, 17</b>	<b>11.119,42</b>
<b>440</b>	<b>V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>		<b>-</b>

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

**VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: chứng chỉ quỹ*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
004	Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành	18	4.000.000

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt**



Ông Nguyễn Ngọc Duyên  
 Phó phòng Tài chính Kế toán  
 Người lập



Ông Đặng Chí Nghĩa  
 Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Đình An  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF  
cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

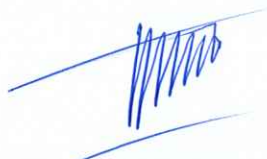
Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Kỳ kế toán từ ngày 29/6/2023 đến ngày 31/12/2023
I	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF (NAV) đầu kỳ</b>	-
II	<b>Thay đổi NAV so với kỳ trước</b>	<b>5.446.729.576</b>
	<i>Trong đó:</i>	
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ ETF trong kỳ	5.446.729.576
III	<b>Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF</b>	<b>39.030.989.419</b>
	<i>Trong đó:</i>	
III.1	Khoản thu từ việc phát hành chứng chỉ quỹ ETF lần đầu ra công chúng	51.000.000.000
III.2	Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ ETF	(11.969.010.581)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF cuối kỳ</b>	<b>44.477.718.995</b>


Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt



Ông Nguyễn Ngọc Duyên  
Phó phòng Tài chính Kế toán  
Người lập



Ông Đặng Chí Nghĩa  
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đình An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	LOẠI TÀI SẢN	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>1.317.259</b>		<b>44.625.151.150</b>	<b>99,73%</b>
1	ACB	92.600	23.900	2.213.140.000	4,95%
2	CTG	34.014	27.100	921.779.400	2,06%
3	FPT	72.900	96.100	7.005.690.000	15,66%
4	GMD	67.800	70.500	4.779.900.000	10,68%
5	HDB	42.700	20.300	866.810.000	1,94%
6	KDH	32.070	31.400	1.006.998.000	2,25%
7	MBB	160.075	18.650	2.985.398.750	6,67%
8	MSB	94.900	13.000	1.233.700.000	2,76%
9	MWG	140.300	42.800	6.004.840.000	13,42%
10	NLG	31.100	36.650	1.139.815.000	2,55%
11	OCB	47.800	13.300	635.740.000	1,42%
12	PNJ	51.700	86.000	4.446.200.000	9,94%
13	REE	40.700	56.800	2.311.760.000	5,17%
14	TCB	96.100	31.800	3.055.980.000	6,83%
15	TPB	73.700	17.400	1.282.380.000	2,87%
16	VIB	77.900	19.600	1.526.840.000	3,41%
17	VPB	131.900	19.200	2.532.480.000	5,66%
18	VRE	29.000	23.300	675.700.000	1,51%
<b>II</b>	<b>Tiền</b>			<b>118.736.856</b>	<b>0,27%</b>
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ ETF			118.736.856	0,27%
<b>III</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>44.743.888.006</b>	<b>100,00%</b>


Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt



Ông Nguyễn Ngọc Duyên  
Phó phòng Tài chính Kế toán  
Người lập



Ông Đặng Chí Nghĩa  
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đình An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ ngày 29/6/2023 đến ngày 31/12/2023 VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1	1. Tiền đã chi hoán đổi/Mua các khoản đầu tư		(9.291.720.000)
2	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		6.224.215.000
3	3. Cổ tức đã nhận	5	2.627.387.400
4	4. Tiền lãi đã thu		1.432.345
6	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ ETF		(312.332.145)
8	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động hoán đổi, bán các khoản đầu tư (phí môi giới, phí chuyển tiền)		(22.979.109)
10	7. Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư		(43.738.930)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(817.735.439)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ (*)		1.511.347.900
22	2. Tiền chi hoán đổi lại chứng chỉ quỹ		(574.875.605)
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>936.472.295</b>
<b>40</b>	<b>III. Tăng tiền thuần trong kỳ</b>		<b>118.736.856</b>
<b>50</b>	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>-</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		-
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		-
<b>55</b>	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>10</b>	<b>118.736.856</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		118.736.856
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		118.736.856
<b>60</b>	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>		<b>118.736.856</b>

(\*) Bao gồm dòng tiền trong giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt



Ông Nguyễn Ngọc Duyên  
Phó phòng Tài chính Kế toán  
Người lập



Ông Đặng Chí Nghĩa  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Đình An  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**1.1 Thông tin về Quỹ**

**Quỹ**

Quỹ ETF BVFVN DIAMOND (“Quỹ”) được thành lập ngày 29 tháng 6 năm 2023 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng số 161/GCN-UBCK ngày 29 tháng 6 năm 2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký lập quỹ đại chúng là 51.000.000.000 đồng (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và mua lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá bán một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 40.000.000.000 VND, tương đương với 4.000.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán số 48/GCN-UBCK ngày 18 tháng 4 năm 2023. Chứng chỉ quỹ được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 822/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 8 năm 2023 và chính thức giao dịch ngày 11 tháng 08 năm 2023.

Điều lệ hoạt động Quỹ có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho Quỹ ETF BVFVN DIAMOND.

**Công ty Quản lý Quỹ**

Quỹ ETF BVFVN DIAMOND được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ” hoặc “Công ty”), trước đây là Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt, là công ty con 100% sở hữu của Tập đoàn Bảo Việt (trước đây là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam) được thành lập và hoạt động theo các Quyết định, giấy phép của cơ quan có thẩm quyền sau:

- Quyết định số 911/2005/QĐ/HĐQT-BV ngày 22 tháng 8 năm 2005 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam.
- Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 08 tháng 11 năm 2005 và các Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2, do phòng đăng ký kinh doanh, sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 10 tháng 11 năm 2022.

Một số thông tin về Công ty theo các Quyết định/giấy phép nêu trên như sau:

Mã số doanh nghiệp	0100111761-129
Tên doanh nghiệp	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt
Địa chỉ trụ sở chính	Tầng 5, Tòa nhà số 8 Lê Thái Tổ, phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Ngành nghề kinh doanh	- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán - Tư vấn đầu tư chứng khoán - Các hoạt động kinh doanh khác phù hợp quy định pháp luật
Vốn điều lệ	100.000.000.000 VND
Thành viên sáng lập	Tập đoàn Bảo Việt



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến  
 ngày 31 tháng 12 năm 2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1.1 Thông tin về Quỹ (tiếp theo)**

**Công ty quản lý quỹ (tiếp theo)**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

**Ngân hàng giám sát**

Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư. Nhiệm vụ của Ngân hàng Giám sát bao gồm bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ, các hợp đồng kinh tế, chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ, thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Theo chấp thuận tại quyết định số 161/GCN-UBCK ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, trụ sở đăng ký: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội; giấy phép hoạt động lưu ký số 14/GPHDLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003 và giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 18/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006.

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ**

**Quy mô vốn**

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập là 51.000.000.000 VND.

Quy mô vốn của Quỹ tại ngày lập báo cáo tài chính này dựa trên số vốn thực góp của Nhà đầu tư theo *Thuyết minh 15*.

**Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể biến động của Chỉ số tham chiếu.

**Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ**

*Ngày định giá*

Ngày định giá là các ngày giao dịch của HSX và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, theo các nguyên tắc phù hợp với quy định pháp luật.

*Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường), tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)**

**Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng của một Chứng chỉ quỹ ETF tại ngày định giá (làm tròn xuống đến 02 số thập phân) được xác định bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tài Ngày Giao dịch hoán đổi gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một Lô chứng chỉ quỹ ETF tại Ngày định giá (được làm tròn xuống đến hàng đơn vị) được xác định bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) chia cho tổng số Lô chứng chỉ quỹ đang lưu hành tài Ngày Giao dịch hoán đổi gần nhất trước Ngày định giá.

**Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ**

Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày, không kể các ngày nghỉ, lễ theo quy định của pháp luật (Ngày Giao dịch hoán đổi/Ngày T). Việc điều chỉnh tần suất giao dịch phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận trước khi thực hiện và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Trường hợp Ngày T là ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật, kỳ giao dịch đó sẽ bị hủy. Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch vào Ngày Giao dịch hoán đổi kế tiếp.

**Hạn chế đầu tư**

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật (nếu có) của một tổ chức, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, Chứng chỉ quỹ đại chúng, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý Quỹ khác quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)**

**Hạn chế đầu tư (tiếp theo)**

- Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh, dư nợ các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

**2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm đầu tiên của Quỹ bắt đầu từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Từ các năm tiếp theo, kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

**3. CHUẨN MỤC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán**

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư số 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Do vậy, báo cáo thu nhập, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, báo cáo danh mục đầu tư, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán (tiếp theo)**

tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**3.2 Tuân thủ**

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt khẳng định rằng báo cáo tài chính kèm theo tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4.3 Các khoản đầu tư**

*Ghi nhận ban đầu*

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và tại kỳ tính giá trị tài sản ròng.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

*Ghi nhận tiếp theo*

Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****4.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Ghi nhận tiếp theo (tiếp theo)*

định giá, giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định là giá mua cổ phiếu, hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu, hoặc giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch vì lý do khác ngoài việc thay đổi sở giao dịch chứng khoán thì giá được xác định là một trong các mức giá sau: Giá trị sổ sách hoặc Mệnh giá hoặc Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

*Quyền mua cổ phiếu:* Giá trị của quyền mua cổ phiếu là giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất đến Ngày Định Giá trừ đi giá phát hành nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Trong trường hợp giá trị quyền xác định là âm (-), giá sử dụng để định giá là 0 VND (không Đồng Việt Nam).

*Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư phù hợp với Thông tư số 98 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở.

*Nguyên tắc định giá*

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Thông tư 98 như sau:

*Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán*

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau;
  - ▶ Giá trị sổ sách; hoặc
  - ▶ Giá mua; hoặc
  - ▶ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.

*Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

*Lãi/(lỗ) do bán các khoản đầu tư*

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quý dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**4.5 Các khoản phải trả**

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**4.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư**

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 VND. Một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quý cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quý cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

*Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc tiếp theo sau ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quý.

*Vốn góp hoán đổi lại*

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc tiếp theo sau ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến  
 ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư (tiếp theo)**

*Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá mua lại chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch cộng với giá dịch vụ phát hành.

Giá mua lại là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch trừ đi giá dịch vụ mua lại.

*Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

*Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư*

Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ Quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Trường hợp Quỹ phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.7 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Thu nhập lãi tiền gửi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

*Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty Chứng khoán và Ngân hàng Giám sát.

**4.8 Chi phí**

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền.

*Giá dịch vụ quản lý Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ*

Giá dịch vụ quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ ETF BVFVN DIAMOND. Giá dịch vụ quản lý Quỹ là 0,5% NAV/năm. Tổng số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính (trích lập) tại các chu kỳ định giá thực hiện trong tháng.

*Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký*

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ.

Giá dịch vụ lưu ký phải trả cho Ngân hàng giám sát là tối đa 0,06% NAV/năm (không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)), giá dịch vụ lưu ký tối thiểu hàng tháng là 20.000.000 VND. Giá dịch vụ giám sát phải trả cho Ngân hàng giám sát là tối đa 0,02% NAV/năm (không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)), giá dịch vụ lưu ký tối thiểu hàng tháng là 5.000.000 VND. Giá dịch vụ xử lý hồ sơ đối với giao dịch chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch là tối đa 0,03% giá trị giao dịch, tối đa 10.000.000 VND trên ngày giao dịch.

Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, chi phí pháp lý, phí rút chứng khoán chưa niêm yết,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.8 Chi phí (tiếp theo)**

*Giá dịch vụ quản trị Quỹ*

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát sẽ là 0,03% NAV/năm và tối thiểu là 15.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm VAT). Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

*Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được xác định mỗi tháng là 5.000.000 VND (chưa bao gồm VAT). Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng còn bao gồm cả giá dịch vụ thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

*Giá dịch vụ tính toán Giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) và tracking error (TE) định kỳ*

Giá dịch vụ tính toán iNAV và TE sẽ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính iNAV và TE. Giá dịch vụ được xác định là 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VND/năm. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

*Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số*

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số được trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán cho dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số. Giá dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được xác định theo quy mô quỹ và mức tối thiểu là 240.000.000 VND/năm. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số được xác định như sau:

<u>Quy mô quỹ</u>	<u>Mức phí (%NAV/năm)</u>
Nhỏ hơn 500 tỷ đồng	0,080%
500 đến dưới 1.000 tỷ đồng	0,065%
1.000 đến dưới 2.000 tỷ đồng	0,055%
Lớn hơn 2.000 tỷ đồng	0,040%

*Chi phí kiểm toán*

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

*Chi phí khác được pháp luật cho phép.*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.9 Thuế**

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

*a. Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

*b. Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư 78.

**4.10 Các bên liên quan**

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**4.11 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ ETF không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**5. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA**

	<i>Kỳ kế toán từ ngày 29/6/2023 đến ngày 31/12/2023 VND</i>
Cổ tức đã nhận bằng tiền (*)	2.627.387.400
	<b>2.627.387.400</b>

(\*) Trong đó, theo quy định tại Phụ lục 2 – Hướng dẫn giao dịch hoán đổi trong Bản cáo bạch, Quỹ ghi nhận vào thu nhập trong kỳ số tiền 2.048.747.400 VND – được Nhà đầu tư nộp bổ sung cho Quỹ, phát sinh từ sự kiện chia cổ tức (bao gồm cổ tức bằng tiền và bằng cổ phiếu) trong quá trình chuyển quyền sở hữu Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch góp vốn lần đầu.

**6. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Tổng giá trị bán/ Giá trị chứng khoán mua vào cho giao dịch hoán đổi VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch/ Giá trị hoán đổi VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán/Chênh lệch giữa giá chứng khoán mua hộ và giá trị hoán đổi cho kỳ kế toán từ ngày 29/6/2023 đến ngày 31/12/2023 VND</i>
<b>Lãi bán các khoản đầu tư</b>	<b>6.224.215.000</b>	<b>5.880.802.619</b>	<b>343.412.381</b>
Cổ phiếu niêm yết	6.224.215.000	5.880.802.619	343.412.381
<b>Lãi giao dịch chứng khoán trong giao dịch hoán đổi</b>			
<b>Chứng chỉ quỹ</b>	<b>11.484.950.000</b>	<b>11.038.211.219</b>	<b>446.738.781</b>
Cổ phiếu giao dịch hoán đổi lại			
Chứng chỉ quỹ	11.381.000.000	10.937.936.219	443.063.781
Chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi Chứng chỉ quỹ	103.950.000	100.275.000	3.675.000
	<b>17.709.165.000</b>	<b>16.919.013.838</b>	<b>790.151.162</b>

**7. CHÊNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN**

	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Chênh lệch điều chỉnh sổ cho kỳ kế toán từ ngày 29/6/2023 đến ngày 31/12/2023 VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	41.965.616.162	44.625.151.150	2.659.534.988	2.659.534.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**8. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

*Kỳ kế toán từ ngày 29/6/2023  
 đến ngày 31/12/2023  
 VND*

Chi phí môi giới, giao dịch mua các khoản đầu tư	13.781.655
Chi phí môi giới, giao dịch bán các khoản đầu tư	8.802.554
	<b>22.584.209</b>

**9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

*Kỳ kế toán từ ngày 29/6/2023  
 đến ngày 31/12/2023  
 VND*

Phí đăng ký niêm yết lần đầu trả cho HOSE	20.000.000
Phí ngân hàng	594.000
	<b>20.594.000</b>

**10. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2023  
 VND*

Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quý:	
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	118.736.856
	<b>118.736.856</b>



## Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Cổ phiếu niêm yết	Giá mua (*) VND	Giá trị thị trường tại ngày 31/12/2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 VND
				Tăng VND	(Giảm) VND	
1	ACB	2.040.346.532	2.213.140.000	172.793.468	-	2.213.140.000
2	CTG	893.291.085	921.779.400	28.488.315	-	921.779.400
3	FPT	6.112.165.539	7.005.690.000	893.524.461	-	7.005.690.000
4	GMD	3.624.443.042	4.779.900.000	1.155.456.958	-	4.779.900.000
5	HDB	783.545.000	866.810.000	83.265.000	-	866.810.000
6	KDH	884.319.838	1.006.998.000	122.678.162	-	1.006.998.000
7	MBB	2.767.140.892	2.985.398.750	218.257.858	-	2.985.398.750
8	MSB	1.225.205.417	1.233.700.000	8.494.583	-	1.233.700.000
9	MWG	5.694.312.553	6.004.840.000	310.527.447	-	6.004.840.000
10	NLG	1.151.884.192	1.139.815.000	-	(12.069.192)	1.139.815.000
11	OCB	600.999.643	635.740.000	34.740.357	-	635.740.000
12	PNJ	3.774.100.000	4.446.200.000	672.100.000	-	4.446.200.000
13	REE	2.499.536.445	2.311.760.000	-	(187.776.445)	2.311.760.000
14	TCB	3.094.420.000	3.055.980.000	-	(38.440.000)	3.055.980.000
15	TPB	1.744.960.087	1.282.380.000	-	(462.580.087)	1.282.380.000
16	VIB	1.759.550.481	1.526.840.000	-	(232.710.481)	1.526.840.000
17	VPB	2.644.045.416	2.532.480.000	-	(111.565.416)	2.532.480.000
18	VRE	671.350.000	675.700.000	4.350.000	-	675.700.000
		<b>41.965.616.162</b>	<b>44.625.151.150</b>	<b>3.704.676.609</b>	<b>(1.045.141.621)</b>	<b>44.625.151.150</b>

(\*) Giá mua được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu cuối năm và giá vốn của chứng khoán thương mại được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến  
 ngày 31 tháng 12 năm 2023

**12. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<i>VND</i>
Phải trả Công ty Quản lý quỹ về phí phát hành và hoán đổi lại Chứng chỉ quỹ	10.803.046
	<b>10.803.046</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<i>VND</i>
Phí kiểm toán	108.000.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	21.000.000
	<b>129.000.000</b>

**14. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
	<i>VND</i>
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	
- Giá dịch vụ quản lý Quỹ	20.977.642
Phải trả Ngân hàng Giám sát	
- Giá dịch vụ lưu ký	14.000.000
- Giá dịch vụ giám sát Quỹ	3.850.000
- Giá dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000
Phải trả Trung tâm lưu ký Việt Nam (VSD)	
- Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	16.500.000
Phải trả Sở giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE)	
- Giá dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)	10.607.469
- Giá dịch vụ sử dụng chỉ số	43.930.854
	<b>126.365.965</b>

## Quỹ ETF BVFVN DIAMOND

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

### 15. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn góp trong kỳ như sau:

	Đơn vị	IPO (phát hành lần đầu)	Phát sinh trong kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	5.100.000	-	5.100.000
NAV bình quân (2) = (5)/(1)	VND/CCQ	10.000,00	-	10.000,00
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	51.000.000.000	-	51.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	-	-	-
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ ETF (5) = (3) + (4)	VND	51.000.000.000	-	51.000.000.000
<b>Vốn góp hoán đổi lại</b>				
Số lượng (6)	CCQ	-	1.100.000	1.100.000
NAV bình quân (7) = (10)/(6)	VND/CCQ	-	-	10.880,92
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (9)	VND	-	969.010.581	969.010.581
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ ETF (10) = (8) + (9)	VND	-	11.969.010.581	11.969.010.581
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>				
(11) = (1) - (6)	CCQ	5.100.000	(1.100.000)	4.000.000
<b>Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (5) - (10)</b>				
Lãi lũy kế (13)	VND	-	5.446.729.576	5.446.729.576
<b>Giá trị tài sản ròng hiện hành</b>				
(14) = (12) + (13)	VND	51.000.000.000	(6.522.281.005)	44.477.718.995
<b>Giá trị tài sản ròng trên 1 lô chứng chỉ quỹ</b>				
(14)/(11)	VND	1.000.000.000	-	1.111.942.975
<b>Giá trị tài sản ròng hiện hành trên 1 chứng chỉ quỹ (15) =</b>				
(14)/(11)	VND/CCQ	10.000,00	-	11.119,42

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến  
 ngày 31 tháng 12 năm 2023

**16. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

Ngày 31 tháng 12 năm 2023  
 VND

Lợi nhuận đã thực hiện	2.787.194.588
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.659.534.988
	<b>5.446.729.576</b>

**17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 29/6/23 đến ngày 31/12/2023 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	12/07/2023 (*)	53.800.928.636	5.100.000	10.549,20	
2	13/07/2023	54.501.415.317	5.100.000	10.686,55	137,35
3	16/07/2023	54.820.475.791	5.100.000	10.749,11	62,56
4	17/07/2023	54.957.597.473	5.100.000	10.775,99	26,88
5	18/07/2023	55.058.826.518	5.100.000	10.795,84	19,85
6	19/07/2023	54.849.967.424	5.100.000	10.754,89	(40,95)
7	20/07/2023	55.142.509.073	5.100.000	10.812,25	57,36
8	23/07/2023	56.196.869.231	5.100.000	11.018,99	206,74
9	24/07/2023	56.761.282.454	5.100.000	11.129,66	110,67
10	25/07/2023	56.957.409.241	5.100.000	11.168,11	38,45
11	26/07/2023	57.026.484.572	5.100.000	11.181,66	13,55
12	27/07/2023	57.260.857.202	5.100.000	11.227,61	45,95
13	30/07/2023	57.868.261.170	5.100.000	11.346,71	119,10
14	31/07/2023	58.149.159.133	5.100.000	11.401,79	55,08
15	01/08/2023	57.183.439.073	5.100.000	11.212,43	(189,36)
16	02/08/2023	57.148.278.245	5.100.000	11.205,54	(6,89)
17	03/08/2023	57.168.324.642	5.100.000	11.209,47	3,93
18	06/08/2023	57.532.896.832	5.100.000	11.280,96	71,49
19	07/08/2023	58.190.490.227	5.100.000	11.409,90	128,94
20	08/08/2023	57.783.910.692	5.100.000	11.330,17	(79,73)
21	09/08/2023	57.206.208.600	5.100.000	11.216,90	(113,27)
22	10/08/2023	56.431.553.090	5.100.000	11.065,01	(151,89)
23	13/08/2023	56.728.118.181	5.100.000	11.123,16	58,15
24	14/08/2023	57.065.944.074	5.100.000	11.189,40	66,24
25	15/08/2023	57.147.295.103	5.100.000	11.205,35	15,95
26	16/08/2023	57.536.412.551	5.100.000	11.281,64	76,29
27	17/08/2023	57.355.254.481	5.100.000	11.246,12	(35,52)
28	20/08/2023	54.805.432.339	5.100.000	10.746,16	(499,96)
29	21/08/2023	55.153.934.424	5.100.000	10.814,49	68,33
30	22/08/2023	55.340.048.960	5.100.000	10.850,98	36,49
31	23/08/2023	55.018.044.157	5.100.000	10.787,85	(63,13)
32	24/08/2023	56.149.732.601	5.100.000	11.009,75	221,90
33	27/08/2023	56.073.033.364	5.100.000	10.994,71	(15,04)
34	28/08/2023	56.998.016.895	5.100.000	11.176,08	181,37
35	29/08/2023	57.411.713.051	5.100.000	11.257,19	81,11
36	30/08/2023	58.343.968.937	5.100.000	11.439,99	182,80
37	31/08/2023	58.929.818.048	5.100.000	11.554,86	114,87
38	04/09/2023	58.914.863.345	5.100.000	11.551,93	(2,93)
39	05/09/2023	59.464.211.006	5.100.000	11.659,64	107,71

(\*) Ngày đăng ký CCQ và được cấp mã CCQ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 29/6/23 đến ngày 31/12/2023 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng	NAV/CCQ tại	Tăng/(giảm)
			chứng chỉ quỹ CCQ	ngày tính NAV VND	NAV/CCQ VND
40	06/09/2023	60.174.062.693	5.100.000	11.798,83	139,19
41	07/09/2023	59.154.944.670	5.000.000	11.830,98	32,15
42	10/09/2023	59.080.093.940	5.000.000	11.816,01	(14,97)
43	11/09/2023	58.259.973.098	5.000.000	11.651,99	(164,02)
44	12/09/2023	59.188.528.286	5.000.000	11.837,70	185,71
45	13/09/2023	59.415.455.865	5.000.000	11.883,09	45,39
46	14/09/2023	58.879.175.290	5.000.000	11.775,83	(107,26)
47	17/09/2023	58.889.149.184	5.000.000	11.777,82	1,99
48	18/09/2023	58.216.536.437	5.000.000	11.643,30	(134,52)
49	19/09/2023	58.414.248.481	5.000.000	11.682,84	39,54
50	20/09/2023	59.113.902.191	5.000.000	11.822,78	139,94
51	21/09/2023	58.558.854.754	5.000.000	11.711,77	(111,01)
52	24/09/2023	57.456.840.012	5.000.000	11.491,36	(220,41)
53	25/09/2023	55.558.257.430	5.000.000	11.111,65	(379,71)
54	26/09/2023	55.480.473.237	5.000.000	11.096,09	(15,56)
55	27/09/2023	56.383.478.101	5.000.000	11.276,69	180,60
56	28/09/2023	56.834.183.040	5.000.000	11.366,83	90,14
57	30/09/2023	56.717.951.046	5.000.000	11.343,59	(23,24)
58	01/10/2023	56.714.293.006	5.000.000	11.342,85	(0,74)
59	02/10/2023	56.538.804.870	5.000.000	11.307,76	(35,09)
60	03/10/2023	54.826.910.435	5.000.000	10.965,38	(342,38)
61	04/10/2023	55.114.122.816	5.000.000	11.022,82	57,44
62	05/10/2023	54.368.542.410	5.000.000	10.873,70	(149,12)
63	08/10/2023	55.008.647.667	5.000.000	11.001,72	128,02
64	09/10/2023	55.758.098.976	5.000.000	11.151,61	149,89
65	10/10/2023	56.167.342.589	5.000.000	11.233,46	81,85
66	11/10/2023	56.438.589.076	5.000.000	11.287,71	54,25
67	12/10/2023	56.231.589.899	5.000.000	11.246,31	(41,40)
68	15/10/2023	56.465.761.772	5.000.000	11.293,15	46,84
69	16/10/2023	56.118.032.150	5.000.000	11.223,60	(69,55)
70	17/10/2023	54.923.924.136	5.000.000	10.984,78	(238,82)
71	18/10/2023	54.150.110.973	5.000.000	10.830,02	(154,76)
72	19/10/2023	53.282.653.943	5.000.000	10.656,53	(173,49)
73	22/10/2023	54.035.030.713	5.000.000	10.807,00	150,47
74	23/10/2023	53.030.858.382	5.000.000	10.606,17	(200,83)
75	24/10/2023	53.424.024.415	5.000.000	10.684,80	78,63
76	25/10/2023	53.201.497.496	5.000.000	10.640,29	(44,51)
77	26/10/2023	51.232.438.774	5.000.000	10.246,48	(393,81)
78	29/10/2023	51.669.666.505	5.000.000	10.333,93	87,45
79	30/10/2023	50.436.375.715	5.000.000	10.087,27	(246,66)
80	31/10/2023	49.425.000.024	5.000.000	9.885,00	(202,27)
81	01/11/2023	49.557.172.150	5.000.000	9.911,43	26,43
82	02/11/2023	51.376.077.359	5.000.000	10.275,21	363,78
83	05/11/2023	51.515.739.147	5.000.000	10.303,14	27,93
84	06/11/2023	52.329.520.545	5.000.000	10.465,90	162,76
85	07/11/2023	52.058.263.748	5.000.000	10.411,65	(54,25)
86	08/11/2023	53.870.728.033	5.000.000	10.774,14	362,49
87	09/11/2023	53.991.587.413	5.000.000	10.798,31	24,17
88	12/11/2023	53.443.614.093	5.000.000	10.688,72	(109,59)
89	13/11/2023	53.521.164.417	5.000.000	10.704,23	15,51
90	14/11/2023	54.619.366.447	5.000.000	10.923,87	219,64



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 29/6/23 đến ngày 31/12/2023 như sau (tiếp theo)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ VND
91	15/11/2023	54.908.030.272	5.000.000	10.981,60	57,73
92	16/11/2023	54.859.772.008	5.000.000	10.971,95	(9,65)
93	19/11/2023	54.058.273.189	5.000.000	10.811,65	(160,30)
94	20/11/2023	53.788.131.856	5.000.000	10.757,62	(54,03)
95	21/11/2023	54.183.223.610	5.000.000	10.836,64	79,02
96	22/11/2023	54.190.707.012	5.000.000	10.838,14	1,50
97	23/11/2023	52.966.113.689	5.000.000	10.593,22	(244,92)
98	26/11/2023	53.115.519.365	5.000.000	10.623,10	29,88
99	27/11/2023	52.471.002.785	5.000.000	10.494,20	(128,90)
100	28/11/2023	52.737.947.588	5.000.000	10.547,58	53,38
101	29/11/2023	53.274.043.797	5.000.000	10.654,80	107,22
102	30/11/2023	53.094.119.945	5.000.000	10.618,82	(35,98)
103	03/12/2023	53.321.994.519	5.000.000	10.664,39	45,57
104	04/12/2023	54.073.053.411	5.000.000	10.814,61	150,22
105	05/12/2023	54.016.841.623	5.000.000	10.803,36	(11,25)
106	06/12/2023	54.424.052.307	5.000.000	10.884,81	81,45
107	07/12/2023	54.309.132.465	5.000.000	10.861,82	(22,99)
108	10/12/2023	54.670.025.687	5.000.000	10.934,00	72,18
109	11/12/2023	54.667.671.734	5.000.000	10.933,53	(0,47)
110	12/12/2023	54.959.627.331	5.000.000	10.991,92	58,39
111	13/12/2023	54.151.024.905	5.000.000	10.830,20	(161,72)
112	14/12/2023	54.015.228.339	5.000.000	10.803,04	(27,16)
113	17/12/2023	53.728.754.996	5.000.000	10.745,75	(57,29)
114	18/12/2023	42.546.919.023	4.000.000	10.636,72	(109,03)
115	19/12/2023	42.853.224.413	4.000.000	10.713,30	76,58
116	20/12/2023	43.110.667.427	4.000.000	10.777,66	64,36
117	21/12/2023	43.380.334.547	4.000.000	10.845,08	67,42
118	24/12/2023	43.284.002.008	4.000.000	10.821,00	(24,08)
119	25/12/2023	44.026.134.081	4.000.000	11.006,53	185,53
120	26/12/2023	44.056.479.788	4.000.000	11.014,11	7,58
121	27/12/2023	44.111.787.838	4.000.000	11.027,94	13,83
122	28/12/2023	44.316.064.389	4.000.000	11.079,01	51,07
123	31/12/2023	44.477.718.995	4.000.000	11.119,42	40,41

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (VND) 54.530.099.748

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

- Mức cao nhất trong kỳ (VND) 499,96  
 - Mức thấp nhất trong kỳ (VND) 0,47

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ

- Mức cao nhất trong kỳ (VND) 11.883,09  
 - Mức thấp nhất trong kỳ (VND) 9.885,00

**18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2023  
 Chứng chỉ quỹ

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ 4.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC**

**19.1 Các bên liên quan**

**19.1.1 Công ty Quản lý Quỹ - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt**

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ hiện hành được trình bày dưới đây:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Kỳ kế toán từ ngày	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2023	29/6/2023 đến ngày 31/12/2023
			Phải trả VND	Chi phí VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý Quỹ (*) Phí đại lý phân phối (**)	20.977.642 10.803.046	138.871.784 -

(\*) Giá dịch vụ quản lý Quỹ là 0,5% NAV/năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà đầu tư phê duyệt.

(\*\*) Khoản phí này phát sinh từ giao dịch hoán đổi CCQ, Nhà đầu tư phải chịu khoản chi phí này, Quỹ thu tiền từ Nhà đầu tư và trả cho Công ty Quản lý Quỹ.

**19.1.2 Thủ lao cho Ban Đại diện Quỹ**

Theo Nghị Quyết Đại hội Nhà đầu tư lần đầu năm 2023, Ban Đại diện Quỹ có 3 thành viên với mức thù lao: Chủ tịch Ban Đại diện 3 triệu đồng/tháng; thành viên Ban Đại diện 2 triệu đồng/tháng. Ban Đại diện Quỹ được nhận thù lao cho giai đoạn tài chính từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 42.000.000 VND. Chi tiết thù lao trong kỳ và số dư phải trả thù lao cho Ban Đại diện Quỹ được trình bày tại Báo cáo thu nhập và Thuyết minh số 13. Ngoài khoản thù lao như đã trình bày ở trên, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó, Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng.

**19.1.3 Giao dịch với các thành viên góp vốn chủ chốt**

Các thành viên góp vốn chủ chốt tại ngày 29/06/2023 và tại ngày 31/12/2023 như sau:

Các thành viên góp vốn	Tại ngày 31/12/2023		Tại ngày 29/06/2023	
	Số lượng CCQ	Tỷ lệ %	Số lượng CCQ	Tỷ lệ %
Tập đoàn Bảo Việt	1.700.000	42,50%	1.700.000	33,33%
Công ty cổ phần Chứng khoán VPS	899.800	22,50%	900.000	17,65%
Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	600.000	15,00%	600.000	11,77%
Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	500.000	12,50%	500.000	9,80%
Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	-	0,00%	1.000.000	19,61%
Khác	300.200	7,50%	400.000	7,84%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>5.100.000</b>	<b>100%</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến  
 ngày 31 tháng 12 năm 2023

**19. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)**

**19.2 Các hợp đồng then chốt khác**

**Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ hiện hành được trình bày dưới đây:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Các giao dịch</u>	<u>Ngày 31 tháng 12</u>	<u>Kỳ kế toán từ ngày</u>
			<u>năm 2023</u>	<u>29/6/2023 đến</u>
			<u>Phải thu/(Phải trả)</u>	<u>Doanh thu/(Chi phí)</u>
			<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Ngân hàng Giám sát ("NHGS")	Tiền gửi thanh toán	118.736.856	-
		Phí Ngân hàng	-	(594.000)
		Lãi tiền gửi không kỳ hạn	-	1.432.345
		Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ ETF	(14.000.000)	(88.015.730)
		Trong đó:		
		- Giá dịch vụ lưu ký bảo quản tài sản	(14.000.000)	(84.933.333)
		- Giá dịch vụ lưu ký giao dịch chứng khoán	-	(3.082.397)
		Giá dịch vụ giám sát Quỹ	(3.850.000)	(23.356.666)
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ	(16.500.000)	(100.100.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

## 20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro sai số mô phỏng, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tuân thủ, rủi ro hoạt động và rủi ro khác.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Đại diện Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Đại diện Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### ***Rủi ro sai số mô phỏng***

Sai số mô phỏng là độ lệch chuẩn giữa tỷ suất sinh lợi của Quỹ và tỷ suất sinh lợi của chỉ số cơ sở. Các yếu tố dẫn đến sự chênh lệch này là phí giao dịch, tiền mặt chưa đầu tư, các quyền của doanh nghiệp trong danh mục, sự thay đổi của cấu thành chỉ số cơ sở ... Sai số mô phỏng càng nhỏ thì hiệu quả hoạt động của Quỹ càng tốt.

### ***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do sự biến động của thị trường như: lãi suất, tỷ giá, giá cả hàng hoá và dịch vụ, cạnh tranh, các điều kiện vĩ mô của nền kinh tế làm ảnh hưởng bất lợi đến kết quả kinh doanh và tình hình tài chính.

### ***Rủi ro lãi suất***

Là rủi ro phát sinh khi lãi suất thị trường tăng/giảm và làm giảm giá trị của khoản đầu tư ảnh hưởng đến cơ hội tái đầu tư dòng tiền của danh mục. Đối với danh mục đầu tư, rủi ro lãi suất phát sinh đối với trái phiếu và các công cụ có thu nhập cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

**20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh khi đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán/chi trả hoặc thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn. Rủi ro trên liên quan đến các khoản đầu tư tiền gửi, doanh nghiệp không thực hiện cam kết trả nợ gốc/trái tức của trái phiếu đến hạn/cổ tức theo kế hoạch đã thông báo hoặc xấu nhất là bị phá sản, mất khả năng thanh toán.

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi Công ty Quản lý Quỹ gặp khó khăn trong việc thực hiện đầu tư hoặc chuyển đổi tài sản đầu tư thành tiền do sự hạn chế về thanh khoản trên thị trường.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

<i>Không kỳ hạn VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Từ 3 đến 12 tháng VND</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
---------------------------------	---------------------------------	--------------------------------------	-----------------------------------	-------------------------------	--------------------------

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

Phải trả cho các đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	- 10.803.046	-	-	-	- 10.803.046
Chi phí phải trả	- 129.000.000	-	-	-	- 129.000.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	- 126.365.965	-	-	-	- 126.365.965
	<b>- 266.169.011</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>- 266.169.011</b>

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

***Rủi ro tuân thủ***

Là rủi ro gây ra tổn thất từ hành vi vi phạm các nghĩa vụ tuân thủ bao gồm vi phạm các quy định pháp luật, quy định nội bộ...

***Rủi ro hoạt động***

Là rủi ro gây ra tổn thất do các nguyên nhân như con người, sự không đầy đủ hoặc vận hành không tốt các quy trình, hệ thống; các sự kiện khách quan bên ngoài.

***Rủi ro khác***

Là những rủi ro tiềm ẩn khác có thể phát sinh mà không bao gồm trong danh sách trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ kế toán từ ngày 29 tháng 6 năm 2023 (ngày thành lập) đến  
 ngày 31 tháng 12 năm 2023



**21. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF**

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kỳ kế toán từ ngày 29/6/2023 đến ngày 31/12/2023</i>
1	Tỷ lệ chi phí hoạt động = Tổng chi phí hoạt động x 365 x 100%/(Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ x Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)) (*)	2,23%
2	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra) x 365 x 100%/(Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ x Thời gian Quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép))/2	27,75%

(\*) Chi phí hoạt động bao gồm chi phí đầu tư.

**22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt**

Ông Nguyễn Ngọc Duyên  
 Phó phòng Tài chính Kế toán  
 Người lập

Ông Đặng Chí Nghĩa  
 Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Đình An  
 Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2024